

Bản án số: 26/2018/DS-ST
Ngày 20-7-2018
V/v tranh chấp về hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỦY NGUYÊN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Anh Sơn

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Phạm Văn Sóng

Ông Nguyễn Văn Chương

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hà - Thư ký Toà án nhân dân huyện Thủy Nguyên thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thủy Nguyên thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Đào Thị Lan Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 7 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Thủy Nguyên thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 22/2017/TLST-DS, ngày 01 tháng 11 năm 2017 về tranh chấp dân sự về hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 22/2018/QĐXX-ST ngày 18 tháng 6 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 42/2018/QĐST-DS, ngày 05 tháng 7 năm 2018; giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại CPTQ; trụ sở: 19 Phan Chu Trinh, quận KH, thành phố Hà Nội; địa chỉ phòng giao dịch: Số 6 đường BD, thị trấn ĐN, huyện NT, thành phố Hải Phòng.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn:

Ông Hàn Ngọc V – Chức vụ: Tổng Giám đốc; vắng mặt.

Ông Phạm Văn L, sinh năm 1982; địa chỉ: Số 41/161 phường VN, quận CL, thành phố Hải Phòng; chức vụ: Cán bộ Ngân hàng (Giấy ủy quyền số 3.17 ngày 11 tháng 12 năm 2017); có mặt.

- Bị đơn: Anh Trần Văn G và vợ chị Nguyễn Thị H; địa chỉ: Thôn AH, xã LA, huyện NT, thành phố Hải Phòng; đều có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Trần Văn M; địa chỉ: Thôn AH, xã LA, huyện NT, thành phố Hải Phòng; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trình bày và yêu cầu của nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại CPTQ cho ông Trần Văn G và vợ bà Nguyễn Thị H vay tiền theo các hợp đồng tín dụng sau: 1) Hợp đồng tín dụng số: 238/HĐTD1-VIB33/10 ngày 6 tháng 9 năm 2010, số tiền vay: 500.000.000 đồng, thời hạn vay là 84 tháng kể từ ngày nhận nợ đầu tiên, mục đích vay là bổ sung vốn sửa chữa nhà, lãi suất vay áp dụng tại thời điểm giải ngân, kỳ điều chỉnh lãi suất trên khế ước nhận nợ và/hoặc các thức xác định lãi suất cho vay phải tuân thủ và chịu sự điều chỉnh theo đúng chính sách lãi suất của Ngân hàng tại thời kỳ và phù hợp với các quy định của pháp luật; phương thức trả nợ: Trả nợ gốc vào định kỳ ngày mùng 1 hàng tháng trả tối thiểu 6.000.000 đ/tháng, ngày trả nợ gốc đầu tiên là ngày 01/10/2010; trả nợ lãi vào ngày mùng 1 hàng tháng, ngày trả lãi đầu tiên là ngày 01/10/2010. nếu bên vay vi phạm bất kỳ thỏa thuận nào thì Ngân hàng được toàn quyền quyết định chuyển toàn bộ dư nợ của bên vay sang nợ quá hạn và thực hiện ngay mọi biện pháp thu hồi nợ. 2) Hợp đồng tín dụng số 251/HDDTD1-VIB33/10 ngày 13 tháng 9 năm 2010, số tiền vay là 500.000.000 đồng, thời hạn vay theo khế ước nhận nợ, mục đích vay bổ sung vốn lưu động kinh doanh vật liệu xây dựng, lãi suất vay áp dụng tại thời điểm giải ngân, cụ thể: Khế ước nhận nợ số 251.05/KUNN1-33/10 ngày 31/8/2011, số tiền 300.000.000 đồng, thời hạn vay 06 tháng kể từ ngày 31/8/2011 đến ngày 29/02/2012; Khế ước nhận nợ số 251.06/KUNN1-33/10 ngày 09/9/2011, số tiền 200.000.000 đồng, thời hạn vay 06 tháng kể từ ngày 09/9/2011 đến ngày 09/3/2012, lãi suất vay áp dụng tại thời điểm giải ngân, kỳ điều chỉnh lãi suất trên khế ước nhận nợ và/hoặc các thức xác định lãi suất cho vay phải tuân thủ và chịu sự điều chỉnh theo đúng chính sách lãi suất của Ngân hàng tại thời kỳ và phù hợp với các quy định của pháp luật, mục đích vay: bổ sung vốn lưu động kinh doanh vật liệu xây dựng. Bảo đảm cho các hợp đồng vay nêu trên là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất tại thửa đất số 807A, tờ bản đồ số 02, tại thôn AH, xã LA, huyện NT, thành phố Hải Phòng. Được Ủy ban nhân dân huyện NT cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BA 928 208 ngày 12 tháng 02 năm 2010 cho chủ sử dụng là ông Trần Văn G và vợ bà Nguyễn Thị H theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và quyền sở hữu tài sản ngày 6 tháng 9 năm 2010. Sau khi ký kết hợp đồng, số tiền vay đã được chuyển cho bên vay theo thỏa thuận. Quá trình thực hiện các hợp đồng, bị đơn không trả tiền vay cho nguyên đơn theo thỏa thuận. Theo đơn khởi kiện của

nguyên đơn ngày 30 tháng 11 năm 2017, bị đơn nợ nguyên đơn số tiền: Nợ gốc 859.627.146 đồng, nợ lãi 178.918.536 đồng, nợ lãi quá hạn là 1.333.643.221 đồng, tổng là 2.372.188.903 đồng. Tại phiên tòa nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả toàn bộ số tiền tính đến ngày xét xử là: 2.567.665.738 đồng, trong đó: - Đối với Hợp đồng tín dụng số 251/HDDTD1-33/10 ngày 13 tháng 9 năm 2010: Nợ gốc: 374.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn: 178.065.120 đồng và nợ lãi quá hạn 560.804.483 đồng; - Đối với Hợp đồng tín dụng số 251/HDDTD1-33/10 ngày 13 tháng 9 năm 2010: Nợ gốc 485.627.146 đồng, nợ lãi trong hạn: 853.416 đồng, nợ lãi quá hạn: 968.315.573 đồng. Đề nghị Tòa án buộc bị đơn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn kể từ sau ngày xét xử sơ thẩm theo mức lãi suất quy định trong Hợp đồng tín dụng đã ký kết. Trường hợp không trả được thì yêu cầu phát mại tài sản thế chấp để thu hồi nợ cho Ngân hàng. Ngoài các tài liệu chứng cứ đã giao nộp cho Tòa án, nguyên đơn không còn tài liệu chứng cứ nào khác.

Trình bày và đề nghị của bị đơn: Thừa nhận đã vay của nguyên đơn số tiền theo các hợp đồng tín dụng, bảo đảm cho khoản nợ trên là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và quyền sở hữu tài sản ngày 6 tháng 9 năm 2010 là đúng và bị đơn đã nhận được tiền vay đầy đủ như nguyên đơn trình bày là đúng. Bị đơn đồng ý trả nợ nhưng do hiện nay hoàn cảnh kinh tế khó khăn nên không có khả năng trả hết nợ một lúc mà xin trả dần khoản tiền nợ gốc, mỗi tháng 4.000.000 đồng và xin miễn toàn bộ khoản tiền nợ lãi. Bị đơn không đồng ý phát mại tài sản thế chấp trên.

Trình bày và đề nghị của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Ông Trần Văn M là bố đẻ của anh G, biết vợ chồng anh G và chị H ký kết Hợp đồng tín dụng vay vốn tại Ngân hàng. Bảo đảm cho số tiền vay là diện tích đất và tài sản gắn liền với đất tại thôn AH, xã LA, huyện NT, Hải Phòng mà hiện nay ông cùng với vợ chồng anh G chị H đang quản lý và sử dụng. Nay Ngân hàng khởi kiện yêu cầu vợ chồng anh G chị H phải trả nợ, ông yêu cầu Ngân hàng cho vợ chồng anh G chị H trả nợ dần. Trong trường hợp bị đơn không trả được nợ thì người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không đồng ý phát mại tài sản thế chấp vì người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có duy nhất nhà đất đó để ở chứ không còn nơi ở nào khác.

Ý kiến của Viện kiểm sát: Kiểm sát viên phát biểu ý kiến trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án thì Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng pháp luật tố tụng; nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành đúng pháp luật tố tụng; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chưa chấp hành đúng quy định pháp luật tố tụng về việc vắng mặt tại các phiên tòa trước không có lý do. Về việc giải quyết nội dung vụ án, Kiểm sát viên đề nghị áp dụng: Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 92; Điều 147 của

Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 116, Điều 117, Điều 275, Điều 280, Điều 299, Điều 317, Điều 318, Điều 319, Điều 320, Điều 463, Điều 466 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 91 và 95 của Luật Các Tổ chức Tín dụng; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn buộc anh Trần Văn G và vợ chị Nguyễn Thị H phải trả cho Ngân hàng số tiền như nguyên đơn trình bày; Trường hợp không trả được nợ thì Ngân hàng có quyền yêu cầu phát mại tài sản thế chấp để thu hồi nợ. Bị đơn phải nộp án phí theo quy định, trả lại tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn.

Các tài liệu, chứng cứ, tình tiết của vụ án: Nguyên đơn đã giao nộp các tài liệu chứng cứ như sau: Hồ sơ pháp nhân, biên lai thu tạm ứng án phí, các hợp đồng tín dụng, hợp đồng thế chấp, các bảng kê tính lãi, các tài liệu liên quan đến việc cho vay, bản tự khai. Bị đơn giao nộp hồ sơ nhân thân, bản tự khai. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan giao nộp hồ sơ nhân thân, biên bản lấy lời khai.

Tình tiết mà các bên thống nhất: Việc ký hợp đồng tín dụng, hợp đồng thế chấp, số tiền bị đơn vay của nguyên đơn, tài sản bảo đảm. Tình tiết mà các bên không thống nhất: Nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả nợ, nếu không trả được nợ thì yêu cầu phát mại tài sản thế chấp. Bị đơn có ý kiến chấp nhận trả nợ nhưng hiện nay kinh tế khó khăn, bị đơn không có nguồn trả nợ ngay mà xin trả nợ dần, không đồng ý phát mại tài sản thế chấp. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan thống nhất với ý kiến của bị đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp, pháp luật áp dụng và thời hiệu khởi kiện: Theo đơn khởi kiện của Ngân hàng thì đây là tranh chấp phát sinh trong hoạt động tín dụng ngân hàng giữa cá nhân với Ngân hàng theo quy định tại Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đều có nơi cư trú tại xã AL, huyện NT, thành phố Hải Phòng nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng. Điểm b khoản 1 Điều 688 Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định: Giao dịch dân sự chưa được thực hiện hoặc đang được thực hiện mà có nội dung và hình thức phù hợp với quy định của Bộ luật này thì áp dụng quy định của Bộ luật này do vậy áp dụng Bộ luật Dân sự năm 2015 để giải quyết. Về thời hiệu khởi kiện, áp dụng theo quy định tại Bộ luật dân sự năm 2015. Phiếu báo phát thông báo về việc trả nợ và xử lý tài sản bảo đảm do nguyên đơn chuyển đến cho bị đơn theo Bưu cục nhận yêu cầu ngày 05 tháng 10 năm 2016, đơn khởi kiện nộp tại Tòa án ngày 29 tháng 01 năm 2018, vụ án còn thời hiệu.

[2] Xét yêu cầu của nguyên đơn: Việc Ngân hàng cho anh Trần Văn G và vợ chị Nguyễn Thị H vay tiền theo các Hợp đồng tín dụng số: 238/HĐTD1-33/10 ngày 6 tháng 9 năm 2010 và Hợp đồng tín dụng số 251/HDDTD1-33/10 ngày 13 tháng 9 năm 2010 theo các Khế ước nhận nợ số 238.01/KUNN1-33/10 ngày 07 tháng 9 năm 2010 và Khế ước nhận nợ số 251.05/KUNN1-33/10 ngày 31 tháng 8 năm 2010 là có thật, các bên đều thừa nhận và không phản đối phù hợp với Điều 385, 398, 463, 116, 117 Bộ luật Dân sự. Quá trình thực hiện hợp đồng vay, bị đơn không trả tiền nợ đúng hạn nên nguyên đơn khởi kiện vì vậy bị đơn phải trả nợ cho Ngân hàng là phù hợp với Điều 275, 357 Bộ luật dân sự, Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng 1997, sửa đổi bổ sung năm 2004.

[3] Xét hợp đồng thế chấp: Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà ngày 06 tháng 9 năm 2010 đều được các bên có đầy đủ năng lực hành vi dân sự tự nguyện tham gia, ký kết thể hiện ý chí của các bên; về hình thức và nội dung của các hợp đồng thế chấp đều đảm bảo đúng và đầy đủ theo quy định của pháp luật và đã được công chứng, được đăng ký giao dịch bảo đảm tại Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền đúng quy định của pháp luật. Do đó, trường hợp bị đơn không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng thì VIB có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền phát mại các tài sản thế chấp để thu hồi nợ là phù hợp với các điều 292, 293, 295, 296, 299 Bộ luật dân sự.

[4] Về án phí: Trả lại số tiền tạm ứng án phí cho Ngân hàng. Bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 92; Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 116, Điều 117, Điều 275, Điều 280, Điều 299, Điều 317, Điều 318, Điều 319, Điều 320, Điều 463, Điều 466 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 91 và 95 của Luật Các Tổ chức Tín dụng; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại CPTQ:

1.1. Buộc anh Trần Văn G và vợ chị Nguyễn Thị H phải trả Ngân hàng Thương mại CPTQ số tiền 2.567.665.738 đồng, trong đó: Đối với Hợp đồng tín dụng số 251/HDDTD1-33/10 ngày 13 tháng 9 năm 2010: Nợ gốc: 374.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn: 178.065.120 đồng và nợ lãi quá hạn 560.804.483 đồng; Đối với Hợp đồng tín dụng số 251/HDDTD1-33/10 ngày 13 tháng 9 năm 2010:

Nợ gốc 485.627.146 đồng, nợ lãi trong hạn: 853.416 đồng, nợ lãi quá hạn: 968.315.573 đồng.

Kể ngày 21 tháng 7 năm 2018, anh Trần Văn G và chị Nguyễn Thị H vẫn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi tính trên số nợ gốc theo lãi suất thỏa thuận trong các hợp đồng tín dụng tương ứng cho đến khi trả hết nợ gốc.

Trường hợp trong Hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

1.2. Trường hợp anh Trần Văn G và chị Nguyễn Thị H không thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng có quyền yêu cầu phát mại tài sản sau đây để thu hồi nợ: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 807A, tờ bản đồ số 01; địa chỉ: thôn AH, xã LA, huyện NT, thành phố Hải Phòng. Được Ủy ban nhân dân huyện NT cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BA928208 ngày 12 tháng 02 năm 2010 cho chủ sử dụng là anh Trần Văn G và vợ chị Nguyễn Thị H.

2. Về án phí: Anh Trần Văn G và chị Nguyễn Thị H phải chịu 83.353.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại cho Ngân hàng Thương mại CPTQ số tiền tạm ứng án phí 39.722.000 đồng, theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0008822, ngày 19 tháng 3 năm 2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng.

3. Về quyền kháng cáo bản án: Đương sự có mặt có tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đối với đương sự không có mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP Hải phòng;
- VKSND huyện Thủy nguyên;
- Chi cục THADS huyện Thủy nguyên;
- Đường sự;
- Lưu: VT; Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Anh Sơn